

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày 31/3/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu phố Ô, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Trưởng phòng nhân sự Công ty TNHH T; địa chỉ liên hệ: SN 11 đường 21 khu phố 2, phường B, quận T, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Ván ép K, địa chỉ: 35/10 tổ 30 khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Văn N, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 11/02/2020 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH T là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Tháng 5/2019, Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) có ký kết các hợp đồng mua ván ép của Công ty TNHH Ván ép K (gọi tắt là Công ty K), cụ thể như sau:

Ngày 14/5/2019, hai bên ký hợp đồng mua bán số 05 -2019TT/KN - HĐMB về việc mua ván ghép sồi, số lượng 25m³, trị giá 33.346,50USD, tương đương 780.450.000 đồng (tỷ giá 23.404 đồng/1 USD); Thời gian giao hàng 30/5/2019 tại kho Công ty T. Phương thức thanh toán: Công ty T thanh toán cho công ty K bằng chuyển khoản, đặt cọc trước 30% giá trị lô hàng. Thanh toán 70% giá trị còn lại sau khi nhận hàng và nghiệm thu hàng hóa. Nếu công ty K không cung cấp đủ số lượng, chất lượng và không đúng thời gian giao hàng theo đơn đặt hàng của công ty T thì bị phạt 1.0%/ngày trên số tiền chậm trễ vào thời điểm thanh toán và mức tối đa là 12% giá trị hợp đồng. Nếu bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng sẽ bị phạt 10% giá trị hợp đồng và hoàn lại tiền đặt cọc (nếu có). Ngày 17/5/2019 Công ty T đã thanh toán cho Công ty K số tiền 234.092.430 đồng bằng hình thức ủy nhiệm chi tại Ngân hàng V – Chi nhánh nam Bình Dương;

Ngày 20/5/2019, hai bên tiếp tục ký hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB về việc mua ván ghép 8, số lượng 50m³, trị giá 1.760.000.000 đồng; Thời gian giao hàng 30/5/2019 tại kho Công ty T. Với phương thức thanh toán và thỏa thuận về mức phạt vi phạm như trên.

Ngày 20/5/2019, hai bên tiếp tục ký hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB về việc mua ván ghép 17, số lượng 50m³, trị giá 2.035.000.000 đồng; Thời gian giao hàng 30/5/2019 tại kho Công ty T. Với phương thức thanh toán và thỏa thuận về mức phạt vi phạm như trên.

Ngày 23/5/2019, Công ty T đã thanh toán cho Công ty K 02 hợp đồng số 09 -2019TT/KN – HĐMB và số 08 -2019TT/KN – HĐMB với tổng số tiền 1.138.374.765 đồng bằng hình thức lệnh chuyển tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh Bình Dương, phòng giao dịch N;

Tổng giá trị 03 hợp đồng nêu trên là 4.575.450.000 đồng. Tổng số tiền Công ty T đã đặt cọc cho công ty K đối với 03 hợp đồng nêu trên là 1.372.467.195 đồng. Tuy nhiên công ty K không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận. Sau nhiều lần thương lượng và yêu cầu thực hiện hợp đồng thì Công ty K mới chỉ giao cho Công ty T tổng giá trị hàng hóa là 376.987.640 đồng.

Nhận thấy, Công ty K vi phạm nghĩa vụ theo Khoản 6 của các hợp đồng đã ký kết nên Công ty T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán số 05 -2019TT/KN - HĐMB ngày 14/5/2019; hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 và hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 giữa Công ty T và Công ty K; buộc công ty K phải hoàn trả tiền đặt cọc còn lại là 995.479.555 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty K thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo pháp luật bị đơn công ty K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/02/2020 và tham gia phiên tòa vào các ngày 23/3/2020 và 30/3/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH T

và Công ty TNHH Ván ép K là đúng pháp luật. Công ty TNHH Ván ép K vi phạm nghĩa vụ giao hàng đã ký kết trong 03 hợp đồng nêu trên, hiện nay không tiếp tục thực hiện hợp đồng, quá trình tố tụng không cung cấp lời khai cũng như chứng cứ thể hiện việc thực hiện hợp đồng nên Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu trả số tiền đặt cọc còn lại là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH T là chị Nguyễn Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Ván ép K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H, Công ty TNHH Ván ép K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giao kết hợp đồng: Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 05 - 2019TT/KN - HĐMB ngày 14/5/2019; hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 và hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 cùng về việc mua bán hàng hóa được ký kết giữa Công ty T và Công ty K có cơ sở xác định: Công ty T thỏa thuận mua ván ghép sồi; ván ghép 8 và ván ghép 17 của công ty K để làm nguyên liệu sản xuất bàn ghế xuất khẩu. Tổng số lượng 125m³; trị giá 4.575.450.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời gian giao hàng của 03 hợp đồng nêu trên là ngày 30/5/2019, phương thức thanh toán bằng chuyển khoản, công ty T đã đặt cọc trước 30% giá trị các đơn hàng tương đương số tiền 1.372.467.195 đồng. Phần giá trị 70% còn lại Công ty T sẽ thanh toán ngay sau khi nhận hàng và nghiệm thu hàng hóa. Nếu công ty K không cung cấp đủ số lượng, chất lượng và không đúng thời gian giao hàng theo đơn đặt hàng của công ty T thì phải trả lại số tiền đã nhận và bị phạt 10% giá trị lô hàng. Ngay sau khi ký hợp đồng mua bán số 05 -2019TT/KN - HĐMB thì ngày 17/5/2019 Công ty T đã đặt cọc cho Công ty K 234.092.430 đồng, tương đương 30% giá trị hợp đồng và đến ngày 23/5/2019 thì chuyển tiếp số tiền 1.138.374.765 đồng, tương đương 30% giá trị hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 và hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019. Các hợp đồng trên đều do người đại diện hợp pháp của hai công ty ký và được đóng dấu theo quy định. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xác định, thời điểm giao dịch, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy, việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên là có thật.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng: Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Công ty T xác định kể từ khi nguyên đơn chuyển tiền đặt cọc với tổng số tiền 1.372.467.195 đồng cho công ty K đến nay thì công ty K mới chỉ giao được tổng cộng 11,769m³ ván ghép các loại, tương đương 376.987.640 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện việc giao hàng theo thỏa thuận nữa. Công ty K vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý và tổng đạt trực tiếp nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh việc muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc đã thanh toán xong các khoản tiền đặt cọc đã nhận. Như vậy, có căn cứ xác định công ty K không muốn tiếp tục thực hiện

hợp đồng như đã thỏa thuận và chưa hoàn trả tiền đặt cọc còn lại cho công ty T. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán số 05 -2019TT/KN - HĐMB ngày 14/5/2019; hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 và hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB ngày 20/5/2019 giữa Công ty T và Công ty K đồng thời buộc Công ty K hoàn trả lại số tiền cọc còn thừa là 995.479.555 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét về lỗi: Xét Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ ứng trước cho Công ty K 30% giá trị các hợp đồng đã ký. Căn cứ Khoản 1 Điều 6 của các Hợp đồng nêu trên có quy định *“Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh theo những điều khoản trong hợp đồng. Không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng. Bên nào không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng sẽ bị phạt 10% giá trị hợp đồng và hoàn lại tiền đặt cọc (nếu có)”*. Sau khi ký các Hợp đồng nêu trên thì Công ty K chỉ giao cho Công ty T 11,769m³ ván ghép các loại, tương đương 376.987.640 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa. Như vậy, Công ty K tự ý chấm dứt việc thực hiện các hợp đồng đã ký, do đó phải có nghĩa vụ trả lại tiền thanh toán thừa so với khối lượng công việc đã thực hiện. Quá trình tố tụng, nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty K hoàn trả lại số tiền ứng còn thừa, không yêu cầu Công ty K phải bồi thường và thanh toán tiền lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Ván ép K phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 37, 312, 314 và Điều 319 Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH Ván ép K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Hủy các hợp đồng mua bán số 05 -2019TT/KN - HĐMB ký ngày 14/5/2019; hợp đồng mua bán số 08 -2019TT/KN - HĐMB ký ngày 20/5/2019 và hợp đồng mua bán số 09 -2019TT/KN - HĐMB ký ngày 20/5/2019 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH Ván ép K.

Buộc Công ty TNHH Ván ép K phải hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng còn thừa là 995.479.555 (Chín trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi lăm) đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Ván ép K phải chịu 41.864.387 (bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH T 27.797.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0039773 ngày 12/10/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D.

3/ Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm